TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 109/2019/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 28 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Văn K; sinh năm 1980**;** Địa chỉ thường trú: thôn P, xã Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh**;** Địa chỉ liên lạc: 327 đường ĐT 782, ấp S, khu công nghiệp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Phạm Thị T; sinh năm 1989; Địa chỉ thường trú: thôn P, xã Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; Hiện đang tạm trú tại: ô 28, DC 09 khu dân cư V, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2008 ngày 14/10/2008.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, ông K và bà T chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện tại, ông K và bà T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông K và bà T có 01 người con chung Nguyễn Minh P, sinh ngày 12 tháng 05 năm 2009. Ông K và bà T thống nhất: Sau khi ly hôn, bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đồng/tháng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng nuôi con từ tháng 03 năm 2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông K và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn, thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành của Trung tâm hòa giải – đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Thuận An không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 12 tháng 05 năm 2009.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông K cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng), bắt đầu thực hiện cấp dưỡng nuôi con từ tháng 03 năm 2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0024890 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Phòng Tư pháp thị xã Thuận An;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu